TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 240/2024/HNGĐ – ST
Ngày: 01/4/2024
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tài

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Ngọc Đông

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Lệ là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện VKSND TP Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Đặng Thành Thi – Kiểm Sát Viên.

Trong ngày 01 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn – tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 30/2024/ TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26/02/2024 và quyết định hoãn phiên toà số 44/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2024 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1990

Địa chỉ: 106/24 Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh B.

* ***Bị đơn*** **:** Anh Đặng Ngọc T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ 3, khu vực 7, phường B, thành phố Q, tỉnh B

(Tại phiên tòa, chị T, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Chị T và anh T trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau một thời gian, đến năm 2013 tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2023 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã với nhau không tự hoà giải được, mâu thuẫn kéo dài. Đến nay, chị T và anh T đã sống ly thân khoảng 1 năm, hiện chị T đang sống chung với mẹ ruột tại địa chỉ 106/24 Ấp

An Thạnh, xã Long Thới, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà giải quyết.

Hiện nay chị T và anh T không có nợ chung.

Bị đơn anh Đặng Ngọc T trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được triệu tập hợp lệ nhưng anh T vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay chị T có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, không có ý kiến gì khác; Bị đơn anh T được toà cấp tống đạt hợp lệ giấy triệu tập nhưng tại phiên toà hôm nay vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS; Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70 và 72 BLTTDS.

Về hướng giải quyết vụ án, căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Đặng Ngọc T. Về con chung và tài sản chung, đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng :

Bị đơn anh Đặng Ngọc T đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại các phiên toà, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Nguyên đơn Nguyễn Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo chị T khai chị và anh T là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 178 do UBND phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định cấp ngày 30/12/2013, tại thời điểm kết hôn hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã với nhau không tự hoà giải được, mâu thuẫn kéo dài. Đến nay, chị T và anh T đã

sống ly thân khoảng 1 năm, hiện chị T đang sống chung với mẹ ruột tại địa chỉ 106/24 Ấp An Thạnh, xã Long Thới, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Biên bản xác minh ngày 02/02/2024 tại địa phương cung cấp: Chị T và anh T sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tổ 3, khu vực 7, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn hay không, nguyên nhân mâu thuẫn do đâu thì địa phương không rõ vì không báo địa phương can thiệp giải quyết. Vợ chồng chị T và anh T không có con chung. Theo địa phương được biết hiện nay chị T không còn cư trú ở địa chỉ trên.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh T.

[3.2] Về con chung: Chị T khai vợ chồng không có con chung và không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Chị T khai vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu toà án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH2016 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn anh Đặng Ngọc T.

2- Về con chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

3- Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lại số 0000420 ngày 16/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn. Chị T đã nộp đủ án phí.

5- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6- Về quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND, CCTHADS Tp Quy Nhơn;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tài